

Số: 04/2022/QĐST - DS

Long phú, ngày 29 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Hoàng Bảo

Thư ký phiên họp: Bà Hoàng Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Chí Điều - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 07/2022/TLST - VDS ngày 05 tháng 10 năm 2022, về việc “Yêu cầu tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2022/QĐST - DS ngày 16 tháng 11 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Trần Thị Thu V, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Trần Thị Thu N1, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

- Bà Trần Thị Thu N2, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

- Ông Trần M, sinh năm 1954; địa chỉ: Ấp X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

- Ông Trần H, sinh năm 1954; địa chỉ: Ấp X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

- Ông Trần T sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

- Ông Nguyễn Phúc N, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

- Ông Phạm Văn T, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp X, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Cha, mẹ bà Trần Thị Thu V là ông Trần D, sinh năm 1925 (chết năm 1983) và bà Phạm Thị Hồng C, sinh năm 1936 (chết năm 2018) chung sống với nhau có tất cả 06 người con chung là Trần M, Trần H, Trần Thị Thu N1, Trần Thị Thu N2, Trần T và Trần Thị Thu V. Trong các người con thì có bà Trần Thị Thu N2 và bà Trần Thị Thu N1 hiện nay có bệnh lý về tâm thần nên mọi sinh hoạt trong cuộc sống hằng ngày đều rất khó khăn và phụ thuộc vào người khác. Bà N2 trước đây chung sống như vợ chồng với ông Nguyễn Văn Hây, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 371, ấp Nhơn Thuận, xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ (không đăng ký kết hôn theo quy định) và có 02 người con chung là Nguyễn Phúc N, sinh năm 1986 và Nguyễn Thanh Trúc, sinh năm 1988 (đã chết năm 2019) hiện Bà N2 đang sống chung nhà với ông Nhân; Bà N1 trước đây chung sống như vợ chồng với ông Phạm Văn T, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp 5, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (không đăng ký kết hôn theo quy định) và có 01 người con chung là Phạm Văn Cương, sinh năm 1982 (đã chết năm 2009). Hiện nay, gia đình cần thực hiện các thủ tục liên quan đến các giao dịch dân sự nên cần thiết có người giám hộ cho Bà N2 và Bà N1. Căn cứ kết luận giám định pháp y tâm thần số 230/2022/KLGD9YK ngày 26/7/2022 và 231/2022/KLGD9YK ngày 26/7/2022 của trung tâm pháp y Tâm thần khu vực Tây Nam Bộ kết luận bà Trần Thị Thu N2 và bà Trần Thị Thu N1 hiện tại có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Nay bà Trần Thị Thu V yêu cầu Toà án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xem xét tuyên bố bà Trần Thị Thu N1, sinh năm 1962 và bà Trần Thị Thu N2, sinh năm 1969; cùng địa chỉ: Ấp X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và chỉ định bà Trần Thị Thu V làm người giám hộ cho bà Trần Thị Thu N1 và bà Trần Thị Thu N2.

Căn cứ vào văn bản trình bày ý kiến trong quá trình giải quyết vụ việc của những người có liên quan là ông Trần M, ông Trần H, bà Trần T, ông Phạm Văn T, ông Nguyễn Phúc N đều thừa nhận trong cuộc sống hàng ngày bà Trần Thị Thu N1 và bà Trần Thị Thu N2 có bệnh lý về tâm thần một thời gian dài nên việc bà V yêu cầu tuyên bố Bà N1 và Bà N2 là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; ông bà thống nhất, không có ý kiến gì và đồng ý chỉ định bà Trần Thị Thu V làm người giám hộ cho bà Trần Thị Thu N1 và bà Trần Thị Thu N2.

Tại phiên họp đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú phát biểu ý kiến: Căn cứ vào khoản 1 Điều 27; Điều 371, Điều 372, Điều 378 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 46, Điều 47; Điều 48, Điều 49, Điều 54, Điều 57; Điều 58 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Thu V về việc tuyên bố bà Trần Thị Thu N1, sinh năm 1962 và bà Trần Thị Thu N2, sinh năm 1969; cùng địa chỉ: Ấp X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng là người có khó khăn trong nhận thức, làm

chủ hành vi và cử bà Trần Thị Thu V làm người giám hộ cho bà Trần Thị Thu N1 và bà Trần Thị Thu N2 và thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp; Tòa án nhân dân huyện Long Phú nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên họp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần M, ông Trần H, ông Trần H, ông Nguyễn Phúc N, ông Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng tất cả vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ việc tất cả đều đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bà Trần Thị Thu N1 và bà Trần Thị Thu N2 vắng mặt không lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng việc giải quyết việc dân sự do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp.

[2]. Căn cứ vào nội dung tờ khai quan hệ thừa kế của ông Trần Díl và bà Phạm Thị Hồng Cúc, xác định được bà Trần Thị Thu V là em ruột của bà Trần Thị Thu N1 và bà Trần Thị Thu N2; ngoài ra theo căn cứ vào nội dung trình bày trong đơn yêu cầu và tài liệu chứng cứ do bà V cung cấp cho Tòa án xác định ông Nguyễn Phúc N có mối quan hệ là con ruột của bà Trần Thị Thu N2, ông Phạm Văn T có mối quan hệ là chồng của Bà N1 nên hiện nay ông Nhân và ông Thành được xem là người giám hộ đương nhiên của Bà N2 và Bà N1. Tuy nhiên, quá trình giải quyết việc dân sự, ông Nhân và ông Thành đều có văn bản trình bày ý kiến của mình là đồng ý việc bà V yêu cầu Tòa án tuyên bố Bà N1 và Bà N2 là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; chỉ định là Vân là người giám hộ cho Bà N1 và Bà N2. Căn cứ vào Điều 376 Bộ luật tố tụng dân sự thì bà V có quyền yêu cầu Bà N1 và Bà N2 là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

[3]. Tại phiên họp bà Trần Thị Thu V vẫn giữ nguyên yêu cầu tuyên bố bà Trần Thị Thu N1 và bà Trần Thị Thu N2 là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án người yêu cầu cung cấp cho Tòa án kết luận giám định pháp y tâm thần theo yêu cầu đối với bà Trần Thị Thu N1 số 230/2022/KLGĐTC ngày 26/7/2022 kết luận: “Về y học: Hiện tại đương sự có bệnh lý tâm thần: Tâm thần phân liệt thể không biệt định (F20.3-ICD10) giai đoạn bệnh thuyên giảm; Về năng lực: Hiện tại đương sự có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi” và kết luận giám định pháp y tâm thần theo yêu cầu đối với bà Trần Thị Thu N2 số 231/2022/KLGĐTC ngày 26/7/2022 kết luận: “Về y học: Hiện tại đương sự có bệnh lý tâm thần: Tâm thần phân liệt thể không biệt định (F20.3-ICD10) giai đoạn bệnh thuyên giảm; Về năng lực: Hiện tại đương sự có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi” Nên đối chiếu khoản 1 Điều 23 Bộ luật dân sự năm 2015 Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Thu V yêu cầu tuyên bố bà Trần Thị Thu N1 và bà Trần Thị Thu N2 có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

[4]. Về việc cử người giám hộ: Do bà Trần Thị Thu N1 và bà Trần Thị Thu N2 có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi nên cần thiết Tòa án phải chỉ định người giám hộ, xác định quyền, nghĩa vụ của người giám hộ. Tại phiên họp bà Trần

Thị Thu V đề nghị Tòa án cử bà là người giám hộ cho Bà N1 và Bà N2; quá trình giải quyết vụ việc, những người có liên quan là ông Trần M, ông Trần H, ông Trần T, ông Nguyễn Phúc N đều có văn bản trình bày ý kiến thống nhất cử bà Trần Thị Thu V làm người giám hộ cho bà Trần Thị Thu N1 và bà Trần Thị Thu N2.

Xét thấy, bà Trần Thị Thu V hiện là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, đồng thời những người giám hộ đương nhiên của Bà N2 và Bà N1 là ông Nguyễn Phúc N và ông Phạm Văn T cũng như những người có liên quan là ông Trần M, ông Trần H, ông Trần T đều không có yêu cầu được làm người giám hộ cho Bà N2 và Bà N1 mà thống nhất cử bà V là người giám hộ cho Bà N2 và Bà N1. Từ những căn cứ trên xác định, bà V đủ điều kiện làm người giám hộ theo Điều 49 Bộ luật dân sự năm 2015. Đối chiếu Điều 378 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 46, Điều 47; Điều 48, Điều 49, Điều 54, Điều 57; Điều 58 Bộ luật dân sự năm 2015 Tòa án chỉ định bà Trần Thị Thu V là người giám hộ cho Trần Thị Thu N1 và bà Trần Thị Thu N2 và thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[5]. Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ nên Tòa án chấp nhận.

[6]. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Trần Thị Thu V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 27; Điều 371, Điều 372, Điều 378 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 46, Điều 47; Điều 48, Điều 49, Điều 54, Điều 57; Điều 58 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bà Trần Thị Thu N1, sinh năm 1962 và bà Trần Thị Thu N2, sinh năm 1969; cùng địa chỉ: Ấp X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

2. Chỉ định bà Trần Thị Thu V, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là người giám hộ cho bà Trần Thị Thu N1, sinh năm 1962 và bà Trần Thị Thu N2, sinh năm 1969; cùng địa chỉ: Ấp X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

3. Bà Trần Thị Thu V thực hiện các quyền, nghĩa vụ của người giám hộ đối với người được giám hộ là bà Trần Thị Thu N1 và bà Trần Thị Thu N2 theo quy định tại Điều 57, Điều 58 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Trần Thị Thu V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004529 ngày 30/9/2022 và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004530 ngày 30/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Trần Thị

Thu V được nhận lại số tiền tạm ứng lệ phí còn thừa là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5. Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Nơi nhận:

- CCTHADS huyện Long Phú;
- VKSND huyện Long Phú;
- TAND Tỉnh Sóc Trăng;
- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự;
- Người liên quan;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Hoàng Bảo